NĂM HỌC	2018	- 2019
<b>.</b>	ୢୗୢୢୢୢୢୣୢୢ୷	

Môn: Hoá học - Lớp 10 Thời gian: 45 phút

CONTRA	NAT DÈ TTATA
SIT:	MA ĐË: H111

	Đề thị gồm <b>2 trang</b> và Học sinh <b>ghi đáp án vào cột ĐA!</b>		
<u>I–Trắc</u>	nghiệm (5,0 điểm)  Nội dung	Đ	
	T voi dung	A	
Câu 1.	Chất nào sau đây tan trong nước nhiều nhất?		
	A. SO2   B. H2S   C. O2   D. Cl2		
Câu 2.			
	hoạt Chất $X$ là: $\mathbf{A}$ . $O_2$ $\mathbf{B}$ . $Cl_2$ $\mathbf{C}$ . $SO_2$		
Câu 3.	D. O <sub>3</sub> Cho 21,75 gam MnO <sub>2</sub> tác dụng với dung dịch HCl đặc sinh ra V lít khí Cl <sub>2</sub> (đktc), biết		
Cau 5.	hiệu suất phản ứng là 80%. Giá trị của <b>V</b> là:		
	<b>A.</b> 4,48 lít <b>B.</b> 6,72 lít <b>C.</b> 5,6 lít <b>D.</b> 2,24 lít		
Câu 4.			
	tác dụng với dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc, nóng. Số phản ứng oxi hoá - khử là:		
	<b>A.</b> 9 <b>B.</b> 8 <b>C.</b> 7 <b>D.</b> 6		
Câu 5.			
	<b>A.</b> $ns^2np^3$ <b>B.</b> $ns^2np^4$ <b>C.</b> $ns^2np^5$ <b>D.</b> $ns^2np^7$		
Câu 6.			
	dịch KI có pha thêm hồ tinh bột, chất khí làm dung dịch chuyển màu xanh là :		
	$\begin{array}{c ccccc} \mathbf{A.} \ \mathbf{O_2} & \mathbf{B.} \ \mathbf{H_2S} & \mathbf{C.} \ \mathbf{O_3} & \mathbf{D.} \\ & O_3 \ \text{v\`{a}} \ \mathbf{O_2} & \end{array}$		
Câu 7.			
Cuu 71	để phân biệt được 4 chất trên?		
	<b>A.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> . <b>B.</b> Phenolphtalein. <b>C.</b> dd AgNO <sub>3</sub> . <b>D.</b> Quỳ		
	tím		
Câu 8.	$\cdot$		
	A. Khí Cl <sub>2</sub> .  B. Dung dịch HCl.  C. Dung dịch KOH đặc  D. Dung		
C^- 0	dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> loãng.		
Câu 9.	Dẫn khí clo qua dung dịch NaOH ở nhiệt độ phòng, muối thu được là: <b>A.</b> NaCl, NaClO <sub>3</sub> <b>B.</b> NaCl, NaClO <b>C.</b> NaCl, NaClO <sub>4</sub> <b>D.</b> NaClO,		
	NaClO <sub>3</sub> B. NaCl, NaClO  C. NaCl, NaClO  D. NaClO,		
Câu 10	Dãy chất nào sau đây vừa có tính oxi hoá, vừa có tính khử?		
	<b>A.</b> O <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> S. <b>B.</b> S, SO <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> <b>C.</b> F <sub>2</sub> , S , SO <sub>3</sub> <b>D.</b>		
	$Cl_2$ , $SO_2$ , $H_2SO_4$		
Câu 11	Dãy chất tác dụng được với dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nguội là:		
	<b>A.</b> CaCO <sub>3</sub> , Al, CuO <b>B.</b> Cu, MgO, Fe(OH) <sub>3</sub> <b>C.</b> S, Fe, KOH <b>D.</b>		
OA 15	CaCO <sub>3</sub> , Au, NaOH		
Câu 12	Dung dịch axit HCl tác dụng được với dãy chất nào sau đây:		
	<b>A.</b> Zn, CuO, S. <b>B.</b> Fe, Au, MgO <b>C.</b> CuO, Mg, CaCO <sub>3</sub> <b>D.</b> CaO, Ag, Fe(OH) <sub>2</sub>		
Cân 13	Dung dịch H <sub>2</sub> S để lâu ngày trong không khí thường có hiện tượng:		
Cau 13	A. Xuất hiện chất rắn màu đen  B. Chuyển sang màu nâu đỏ		
	C. Vẫn trong suốt, không màu  D. Bị vẫn đục, màu vàng.		
Câu 14	Hấp thụ 6,72 lít khí SO <sub>2</sub> (đktc) vào 250 ml dung dịch NaOH 2M. Dung dịch sau phản		
	ứng chứa:		
	<b>A.</b> NaHSO <sub>3</sub> 1,2M. <b>B.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> 1M .		

	•	$vanta Na_2SO_3, 0.8M.$	<b>D.</b> NaHS	$O_3$ 0,5M và $Na_2SO_3$ ,	
Câu 15	1M. Hòa tan 10,8 gam một kim	logi D oó hóg trị kh	ông đổi vào dụng d	ich UCI logna dir thu	
Cau 15	được $10.08$ lít $H_2$ (ở đktc).		ong dor vao dung d	ich fict toang du thu	
	<b>A.</b> Mg	<b>B.</b> Fe	C. Zn	<b>D.</b> Al	
Câu 16	Hòa tan hết <b>m</b> gam hỗn họ	p CuO, MgO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	vào 400 ml dung d	lịch axit HCl 3M vừa	
	đủ. Cô cạn dung dịch sau p	_			
~ 4 <b>=</b>	<b>A.</b> 22,4 g			<b>D.</b> 30,2 g	
Cau 17	Oxi hóa 16,8 gam sắt bằng FeO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> ). Hòa ta				
	khí $SO_2$ sản phẩm khử duy				
	không khí).	man Tim V (Biet)	out min do o dicto ve	oz emem 1/3 me nem	
	<b>A.</b> 33,6 lit	<b>B.</b> 11,2 lít	<b>C.</b> 2,24 lít	<b>D.</b> 44,8 lít	
Câu 18	Phương pháp để điều chế l	khí O2 trong phòng tl	hí nghiệm là:		
	<b>A.</b> Điện phân H <sub>2</sub> O	<b>B.</b> (	Chưng cất phân đoạ	n không khí lỏng	
	_ · - ·		Diện phân dung dịch	n NaCl	
Câu 19	Thuốc thử để phân biệt 2 b	•		D D I DI (NO.)	
Câu 20	A. Dd HCl I Trộn 100 ml dung dịch H <sub>2</sub> :	B. Dd KOH		D. Dd Pb(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>	
Cau 20	thu được là:	304 21vi va 206g dui	ig dicii bacız 13%	un khoi luộng ket tua	
	<b>A.</b> 58,25g	<b>B.</b> 23,30g	<b>C.</b> 46,60g	<b>D.</b> 34,95g.	
II–Tự l	uận <i>(5,0 điểm)</i>	, <u>C</u>	, ,	, ,	
	2,5 điểm)	,	,		
	n thành các phương trình hóa họ				
	$Ba(NO_3)_2 + MgSO_4 \longrightarrow \dots$				
	$ICl + Mg(OH)_2 \longrightarrow \dots$				
d. P	$P + H_2SO_4$ đặc, nóng $\longrightarrow \dots$				
e. A	$Al + H_2SO_4$ đặc, nóng $\longrightarrow$	$SO_2 + H_2S +$			
	(	(biết tỉ lệ mol SO2 và I	$H_2S$ là 1 : 3)		
Hòa hoàn toà a. Tính b. Để tr dịch H <sub>2</sub> S c. Lượn	2,5 điểm) tan 22,8 gam hỗn hợp X gồm M n, thấy thoát ra 15,68 lít khí SO <sub>2</sub> thành phần % khối lượng mỗi ki rung hòa hết lượng axit dư trong SO <sub>4</sub> 98% ban đầu. (0,5 điểm) g axit trên hòa tan vừa hết m ga SO <sub>2</sub> . Tính khối lượng muối thu đư	là sản phẩm khử duy nh m loại trong X. (1,5 điển g dung dịch Y cần dùng m hỗn hợp FeS <sub>2</sub> , Cu <sub>2</sub> S	nất (ở đktc) và thu đượn) g 400 ml dung dịch Na (tỉ lệ mol tương ứng 2	c dung dịch Y. aOH 3M. Tính khối lượng du	ıng
(Cho	, -	sinh không được sử dụ	ng Bảng tuần hoàn)	16; Mn=55; S=32; Cl=35,5)	

### ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 2

KIỂM TRA HỌC KỲ 2	STT:
Môn: Hoá học - Lớp 10	

NĂM HỌC 2018 - 2019

Thời gian: 45 phút

Mã đề: H112

<u>Lưu ý:</u> Đề thi gồm **2 trang** và Học sinh **ghi đáp án vào cột ĐA!** 

<u>I–Trắc</u>	nghiệm (5,0 điểm)	
	Nội dung	ÐA
Câu 1.	Thuốc thử để phân biệt 2 bình đựng khí H <sub>2</sub> S, O <sub>2</sub> là:	
~	<b>A.</b> Dd HCl <b>B.</b> Dd KOH <b>C.</b> Dd NaCl <b>D.</b> Dd Pb(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>	
Câu 2.	Phương pháp để điều chế khí O <sub>2</sub> trong phòng thí nghiệm là:	
	<ul> <li>A. Điện phân H<sub>2</sub>O</li> <li>B. Chưng cất phân đoạn không khí lỏng</li> <li>C. Nhiệt phân KMnO<sub>4</sub></li> <li>D. Điện phân dung dịch NaCl</li> </ul>	
	C. Nhiệt phân KMnO₄ D. Điện phân dung dịch NaCl	
Câu 3.	Hòa tan hết <b>m</b> gam hỗn hợp CuO, MgO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> vào 400 ml dung dịch axit HCl 3M vừa đủ. Cô cạn dung	
	dịch sau phản ứng thu được 65 gam muối khan. Tính <b>m</b> ?	
	<b>A.</b> 22,4 g	
Câu 4.	Dung dịch H <sub>2</sub> S để lâu ngày trong không khí thường có hiện tượng:	
	A. Xuất hiện chất rắn màu đen B. Chuyển sang màu nâu đỏ	
	A. Xuất hiện chất rắn màu đen B. Chuyển sang màu nâu đỏ C. Vẫn trong suốt, không màu D. Bị vẩn đục, màu vàng.	
Câu 5.	Dung dịch axit HCl tác dụng được với dãy chất nào sau đây:	
	<b>A.</b> Zn, CuO, S. <b>B.</b> Fe, Au, MgO <b>C.</b> CuO, Mg, CaCO <sub>3</sub> <b>D.</b> CaO, Ag, Fe(OH) <sub>2</sub>	
Câu 6.	Dãy chất tác dụng được với dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nguội là:	
	<b>A.</b> CaCO <sub>3</sub> , Al, CuO <b>B.</b> Cu, MgO, Fe(OH) <sub>3</sub> <b>C.</b> S, Fe, KOH <b>D.</b> CaCO <sub>3</sub> , Au, NaOH	
Câu 7.	Dãy chất nào sau đây vừa có tính oxi hoá, vừa có tính khử?	
~.	<b>A.</b> O <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> S. <b>B.</b> S, SO <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> <b>C.</b> F <sub>2</sub> , S, SO <sub>3</sub> <b>D.</b> Cl <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	
Câu 8.	Dẫn khí clo qua dung dịch NaOH ở nhiệt độ phòng, muối thu được là:	
<b>~ ^ ^</b>	A. NaCl, NaClO <sub>3</sub> B. NaCl, NaClO C. NaCl, NaClO <sub>4</sub> D. NaClO, NaClO <sub>3</sub>	
Câu 9.	Cu kim loại có thể tác dụng với chất nào trong các chất sau?	
	A. Khí Cl <sub>2</sub> .  B. Dung dịch HCl.  C. Dung dịch KOH đặc  D. Dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> loãng.	
<b>Câu 10.</b>	Có 4 dd sau đây: HCl, Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> , NaCl, Ba(OH) <sub>2</sub> . Chỉ dùng thêm 1 hóa chất nào sau đây để phân biệt	
	được 4 chất trên?	
~~ 11	A. Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> . B. Phenolphtalein. C. dd AgNO <sub>3</sub> . D. Quỳ tím	
<b>Câu 11.</b>		
	hồ tinh bột, chất khí làm dung dịch chuyển màu xanh là :	
Cê 12	A. O <sub>2</sub> B. H <sub>2</sub> S C. O <sub>3</sub> D. O <sub>3</sub> và O <sub>2</sub> Nguyên tử nguyên tố nhóm VIIA có cấu hình electron lớp ngoài cùng là:	
Câu 12.	<b>A.</b> $ns^2np^3$ <b>B.</b> $ns^2np^4$ <b>C.</b> $ns^2np^5$ <b>D.</b> $ns^2np^7$	
Câu 13.		
Cau 13.	dung dịch $H_2SO_4$ đặc, nóng. Số phản ứng oxi hoá - khử là:	
Câu 14.	A. 9 B. 8 C. 7 D. 6 Cho 21,75 gam MnO <sub>2</sub> tác dụng với dung dịch HCl đặc sinh ra V lít khí Cl <sub>2</sub> (đktc), biết hiệu suất phản ứng	
Cau 17.	là 80%. Giá trị của <b>V</b> là:	
	<b>A.</b> 4,48 lít <b>B.</b> 6,72 lít <b>C.</b> 5,6 lít <b>D.</b> 2,24 lít	
Câu 15.	Chất X là chất khí ở điều kiện thường, có màu vàng lục, dùng để khử trùng nước sinh hoạt Chất X là:	
	$\mathbf{A}. O_2$ $\mathbf{B}. Cl_2$ $\mathbf{C}. SO_2$ $\mathbf{D}. O_3$	
Câu 16.	Chất nào sau đây tan trong nước nhiều nhất?	
	<b>A.</b> $SO_2$ <b>B.</b> $H_2S$ <b>C.</b> $O_2$ <b>D.</b> $Cl_2$	
Câu 17.	Hấp thụ 6,72 lít khí SO <sub>2</sub> (đktc) vào 250 ml dung dịch NaOH 2M. Dung dịch sau phản ứng chứa:	
	<b>A.</b> NaHSO <sub>3</sub> 1,2M. <b>B.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> 1M .	
	<b>C.</b> NaHSO <sub>3</sub> 0,4M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 0,8M. <b>D.</b> NaHSO <sub>3</sub> 0,5M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 1M.	
Câu 18.	Trộn 100 ml dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 2M và 208g dung dịch BaCl <sub>2</sub> 15% thì khối lượng kết tủa thu được là:	
	<b>A.</b> 58,25g <b>B.</b> 23,30g <b>C.</b> 46,60g <b>D.</b> 34,95g.	
Câu 19.	Hòa tan 10,8 gam một kim loại R có hóa trị không đổi vào dung dịch HCl loãng dư thu được 10,08 lít $H_2$	
	(ở đktc). Kim loại R là:	
	<b>A.</b> Mg <b>B.</b> Fe <b>C.</b> Zn <b>D.</b> Al	
Câu 20.	Oxi hóa 16,8 gam sắt bằng V lít không khí (ở đktc) thu được m gam chất rắn A gồm (Fe, FeO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ,	
	Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> ). Hòa tan hết A bằng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nóng dư thu được 5,6 lít khí SO <sub>2</sub> sản phẩm khử duy	
	nhất. Tính $V$ (Biết các khí đo ở đktc và $O_2$ chiếm $1/5$ thể tích không khí).	
	<b>A.</b> 33,6 lit <b>B.</b> 11,2 lít <b>C.</b> 2,24 lít <b>D.</b> 44,8 lít	

II- <u>Tư luận</u> : (5,0 điểm)
<ul> <li>Bài 1. (2,5 điểm) Hoàn thành các phương trình hóa học sau (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có).</li> <li>a. Al + Cl₂ →</li> </ul>
b. $Cu(OH)_2 + HCl \rightarrow$
c. $C + H_2SO_4$ đặc, nóng $\rightarrow$
d. $Ba(OH)_2 + Na_2SO_4 \rightarrow$
e. $Mg + H_2SO_4$ đặc, nóng $\rightarrow SO_2 + H_2S + \dots$
(biết tỉ lệ mol SO <sub>2</sub> và H <sub>2</sub> S là 2 : 3)
Bài 2: (2,5 điểm)  Hòa tan 15 gam hỗn hợp X gồm Al và Cu vào dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% (đặc, nóng, dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thấy thoát ra 10,08 lít khí SO <sub>2</sub> là sản phẩm khử duy nhất (ở đktc) và thu được dung dịch Y.  a. Tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong X. (1,5 điểm)  b. Để trung hòa hết lượng axit dư trong dung dịch Y cần dùng 500 ml dung dịch NaOH 3M. Tính khối lượng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% ban đầu. (0,5 điểm)  c. Lượng axit trên hòa tan vừa hết m gam hỗn hợp FeS <sub>2</sub> , Cu <sub>2</sub> S (tỉ lệ mol tương ứng 1:3) thu được sản phẩm khử duy nhất là SO <sub>2</sub> . Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng. (0,5 điểm)
(Cho: Al=27; Fe =56; Mg=24; Zn=65; Ba=137; O=16; H =1; Cu=64; Na=23; O=16; Mn=55; S=32; Cl=35,5) (Học sinh không được sử dụng Bảng tuần hoàn)

.....

NĂM HỌC 201	8 - 2019

Môn: Hoá học - Lớp 10 Thời gian: 45 phút

CIT TITLE	
211:	

MÃ ĐỀ: H115

Lưu ý: Đề thi gồm 2 trang và Học sinh ghi đáp án vào cột ĐA!

<u>Lưu y:</u> Để thi gom 2 trang I–Trắc nghiệm (5,0 điểm)	va Học sinh <b>ghi dấp ấn vào cội ĐA!</b>
1 Trac lighten (5,0 them)	Nôi du

	nghiệm (5,0 điểm) Nội dung	ÐA
Câu 1.	Dãy chất nào sau đây vừa có tính oxi hoá, vừa có tính khử?	
-uu 11	$A. O_2$ , $Cl_2$ , $H_2S$ . $B. S, SO_2$ , $Cl_2$ $C. F_2$ , $S$ , $SO_3$ $D. Cl_2$ , $SO_2$ , $H_2SO_4$	
Câu 2.	Nguyên tử nguyên tố nhóm VIIA có cấu hình electron lớp ngoài cùng là:	
,uu 2.	$\mathbf{A. ns^2np^3}$ $\mathbf{B. ns^2np^4}$ $\mathbf{C. ns^2np^5}$ $\mathbf{D. ns^2np^7}$	
Câu 3.	Dung dịch H <sub>2</sub> S để lâu ngày trong không khí thường có hiện tượng:	
ouu o.	A. Xuất hiện chất rắn màu đen B. Chuyển sang màu nâu đỏ	
	A. Xuất hiện chất rắn màu đen B. Chuyển sang màu nâu đỏ C. Vẫn trong suốt, không màu D. Bị vẫn đục, màu vàng.	
Câu 4.	Có 4 dd sau đây: HCl, Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> , NaCl, Ba(OH) <sub>2</sub> . Chỉ dùng thêm 1 hóa chất nào sau đây để phân biệt	
	được 4 chất trên?	
	<b>A.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> . <b>B.</b> Phenolphtalein. <b>C.</b> dd AgNO <sub>3</sub> . <b>D.</b> Quỳ tím	
Câu 5.	Dẫn khí clo qua dung dịch NaOH ở nhiệt độ phòng, muối thu được là:	
	<b>A.</b> NaCl, NaClO <sub>3</sub> <b>B.</b> NaCl, NaClO <b>C.</b> NaCl, NaClO <sub>4</sub> <b>D.</b> NaClO, NaClO <sub>3</sub>	
Câu 6.	Chất nào sau đây tan trong nước nhiều nhất?	
o <b>uu</b> 0.	$\mathbf{A. SO}_2$ $\mathbf{B. H}_2\mathbf{S}$ $\mathbf{C. O}_2$ $\mathbf{D. Cl}_2$	
Câu 7.	Dung dịch axit HCl tác dụng được với dãy chất nào sau đây:	
	A. Zn, CuO, S.  B. Fe, Au, MgO  C. CuO, Mg, CaCO <sub>3</sub> D. CaO, Ag, Fe(OH) <sub>2</sub>	
Câu 8.	Oxi hóa 16,8 gam sắt bằng <b>V</b> lít không khí (ở đktc) thu được m gam chất rắn A gồm (Fe, FeO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ,	
01	Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> ). Hòa tan hết A bằng dung dịch $H_2SO_4$ đặc nóng dư thu được 5,6 lít khí $SO_2$ sản phẩm khử duy	
	nhất. Tính V (Biết các khí đo ở đktc và O <sub>2</sub> chiếm 1/5 thể tích không khí).	
	<b>A.</b> 33,6 lit <b>B.</b> 11,2 lít <b>C.</b> 2,24 lít <b>D.</b> 44,8 lít	
Câu 9.	Chất X là chất khí ở điều kiện thường, có màu vàng lục, dùng để khử trùng nước sinh hoạt Chất X là:	
	$\mathbf{A}. \ \mathrm{O}_2$ $\mathbf{B}. \ \mathrm{Cl}_2$ $\mathbf{C}. \ \mathrm{SO}_2$ $\mathbf{D}. \ \mathrm{O}_3$	
Câu 10.		
200	<b>A.</b> Khí Cl <sub>2</sub> . <b>B.</b> Dung dịch HCl. <b>C.</b> Dung dịch KOH đặc <b>D.</b> Dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> loãng.	
Câu 11.		
ouu 11.	dung dịch $H_2SO_4$ đặc, nóng. Số phản ứng oxi hoá - khử là:	
	<b>A.</b> 9 <b>B.</b> 8 <b>C.</b> 7 <b>D.</b> 6	
Câu 12.	Hòa tan hết <b>m</b> gam hỗn hợp CuO, MgO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> vào 400 ml dung dịch axit HCl 3M vừa đủ. Cô cạn dung	
	dịch sau phản ứng thu được 65 gam muối khan. Tính <b>m</b> ?	
	<b>A.</b> 22,4 g	
Câu 13.		
	A. Dd HCl B. Dd KOH C. Dd NaCl D. Dd Pb(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>	
Câu 14.	Có 3 bình đựng 3 chất khí riêng biệt: O <sub>2</sub> , O <sub>3</sub> , H <sub>2</sub> S lần lượt cho từng khí này qua dung dịch KI có pha thêm	
	hồ tinh bột, chất khí làm dung dịch chuyển màu xanh là :	
	<b>A.</b> $O_2$ <b>B.</b> $H_2S$ <b>C.</b> $O_3$ <b>D.</b> $O_3$ và $O_2$	
Câu 15.	Hấp thụ 6,72 lít khí SO <sub>2</sub> (đktc) vào 250 ml dung dịch NaOH 2M. Dung dịch sau phản ứng chứa:	
	<b>A.</b> NaHSO <sub>3</sub> 1,2M. <b>B.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> 1M .	
	<b>C.</b> NaHSO <sub>3</sub> 0,4M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 0,8M. <b>D.</b> NaHSO <sub>3</sub> 0,5M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 1M.	
Câu 16.		
	<b>A.</b> Điện phân H <sub>2</sub> O <b>B.</b> Chưng cất phân đoạn không khí lỏng	
	C. Nhiệt phân KMnO <sub>4</sub> D. Điện phân dung dịch NaCl	
Câu 17.	C. Nhiệt phản KiVinO4 <b>B.</b> Điện phản dùng dịch NaC1 Cho 21,75 gam MnO <sub>2</sub> tác dụng với dung dịch HCl đặc sinh ra <b>V</b> lít khí Cl <sub>2</sub> (đktc), biết hiệu suất phản ứng	
Cau 1/.	là 80%. Giá tri của <b>V</b> là:	
	<b>A.</b> 4,48 lít <b>B.</b> 6,72 lít <b>C.</b> 5,6 lít <b>D.</b> 2,24 lít	
C <b>âu 18.</b>	Dãy chất tác dụng được với dung dịch $H_2SO_4$ đặc nguội là:	
Cau 10.	<b>A.</b> CaCO <sub>3</sub> , Al, CuO <b>B.</b> Cu, MgO, Fe(OH) <sub>3</sub> <b>C.</b> S, Fe, KOH <b>D.</b> CaCO <sub>3</sub> , Au, NaOH	
Cô <sub>22</sub> 10	Hòa tan 10,8 gam một kim loại R có hóa trị không đổi vào dung dịch HCl loãng dư thu được 10,08 lít H <sub>2</sub>	
Câu 19.	Hoa tan 10,8 gam mọt kim loại R có nóa trị không đối vào dùng địch HC1 loàng dữ thủ được 10,08 lit H <sub>2</sub>   (ở đktc). Kim loại R là:	
Cô., 20		
Câu 20.	Trộn 100 ml dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 2M và 208g dung dịch BaCl <sub>2</sub> 15% thì khối lượng kết tủa thu được là:	
	<b>A.</b> 58,25g <b>B.</b> 23,30g <b>C.</b> 46,60g <b>D.</b> 34,95g.	

<u>II–Tự luận (5,0 điểm)</u>
Bài 1. (2,5 điểm) Hoàn thành các phương trình hóa học sau (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có).
a. $Fe + Cl_2 \longrightarrow$
b. $Ba(NO_3)_2 + MgSO_4 \longrightarrow$
c. $HCl + Mg(OH)_2 \longrightarrow$
d. $P + H_2SO_4$ đặc, nóng $\longrightarrow$
e. Al + $H_2SO_4$ đặc, nóng $\longrightarrow$ $SO_2$ + $H_2S$ +
(biết tỉ lệ mol SO <sub>2</sub> và H <sub>2</sub> S là 1 : 3)
Bài 2. (2,5 điểm)  Hòa tan 22,8 gam hỗn hợp X gồm Mg và Fe vào dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% (đặc, nóng, dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thấy thoát ra 15,68 lít khí SO <sub>2</sub> là sản phẩm khử duy nhất (ở đktc) và thu được dung dịch Y.  a. Tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong X. (1,5 điểm)  b. Để trung hòa hết lượng axit dư trong dung dịch Y cần dùng 400 ml dung dịch NaOH 3M. Tính khối lượng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% ban đầu. (0,5 điểm)  c. Lượng axit trên hòa tan vừa hết m gam hỗn hợp FeS <sub>2</sub> , Cu <sub>2</sub> S (tỉ lệ mol tương ứng 2:1) thu được sản phẩm khử duy nhất là SO <sub>2</sub> . Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng. (0,5 điểm)
(Cho: Al=27; Fe =56; Mg=24; Zn=65; Ba=137; O=16; H =1; Cu=64; Na=23; O=16; Mn=55; S=32; Cl=35,5) (Học sinh không được sử dụng Bảng tuần hoàn)

NĂM HỌC 2018 - 2019

Môn: Hoá học - Lớp 10

Thời gian: 45 phút

ST	$\Gamma$	٦.
0 1		. •

MÃ ĐỀ: H116

<u>Lưu ý:</u> Đề thi gồm 2 trang và Học sinh ghi đáp án vào cột ĐA!

	nghiệm (5,0 điểm)	
1 11ac	Nội dung	ÐA
Câu 1.	Dung dịch axit HCl tác dụng được với dãy chất nào sau đây:	Dix
	<b>A.</b> Zn, CuO, S. <b>B.</b> Fe, Au, MgO <b>C.</b> CuO, Mg, CaCO <sub>3</sub> <b>D.</b> CaO, Ag, Fe(OH) <sub>2</sub>	
Câu 2.	Dẫn khí clo qua dung dịch NaOH ở nhiệt độ phòng, muối thu được là:	
0444 24	A. NaCl, NaClO <sub>3</sub> B. NaCl, NaClO  C. NaCl, NaClO <sub>4</sub> D. NaClO, NaClO <sub>3</sub>	
Câu 3.	Cu kim loại có thể tác dụng với chất nào trong các chất sau?	
	<b>A.</b> Khí Cl <sub>2</sub> . <b>B.</b> Dung dịch HCl. <b>C.</b> Dung dịch KOH đặc <b>D.</b> Dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> loãng.	
Câu 4.	Cho lần lượt các chất sau: Cu, C, MgO, KBr, FeS, Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> , Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , FeO, Fe(OH) <sub>2</sub> , Fe(OH) <sub>3</sub> tác dụng với	
	dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc, nóng. Số phản ứng oxi hoá - khử là:	
	<b>B.</b> 8 <b>C.</b> 7 <b>D.</b> 6	
Câu 5.	Nguyên tử nguyên tố nhóm VIIA có cấu hình electron lớp ngoài cùng là:	
	<b>A.</b> $ns^2np^3$ <b>B.</b> $ns^2np^4$ <b>C.</b> $ns^2np^5$ <b>D.</b> $ns^2np^7$	
Câu 6.	Chất nào sau đây tan trong nước nhiều nhất?	
	$\mathbf{A. SO_2} \qquad \qquad \mathbf{B. H_2S} \qquad \qquad \mathbf{C. O_2} \qquad \qquad \mathbf{D. Cl_2}$	
Câu 7.	Thuốc thử để phân biệt 2 bình đựng khí H <sub>2</sub> S, O <sub>2</sub> là:	
	A. Dd HCl B. Dd KOH C. Dd NaCl D. Dd Pb(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>	
Câu 8.	Dung dịch H <sub>2</sub> S để lâu ngày trong không khí thường có hiện tượng:	
	<ul> <li>A. Xuất hiện chất rắn màu đen</li> <li>C. Vẫn trong suốt, không màu</li> <li>B. Chuyển sang màu nâu đỏ</li> <li>D. Bị vẩn đục, màu vàng.</li> </ul>	
Câu 9.	Phương pháp để điều chế khí O <sub>2</sub> trong phòng thí nghiệm là:	
	<b>A.</b> Điện phân H₂O <b>B.</b> Chưng cất phân đoạn không khí lỏng	
	C. Nhiệt phân KMnO <sub>4</sub> D. Điện phân dung dịch NaCl	
Câu 10.		
Cuu 10.	duoc 4 chất trên?	
	<b>A.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> . <b>B.</b> Phenolphtalein. <b>C.</b> dd AgNO <sub>3</sub> . <b>D.</b> Quỳ tím	
Câu 11.	Hấp thụ 6,72 lít khí SO <sub>2</sub> (đktc) vào 250 ml dung dịch NaOH 2M. Dung dịch sau phản ứng chứa:	
000 110	A. NaHSO3 1 2M B. NaSO3 1M	
	C. NaHSO <sub>3</sub> 0,4M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 0,8M. D. NaHSO <sub>3</sub> 0,5M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 1M.	
Câu 12.	Chất X là chất khí ở điều kiện thường, có màu vàng lục, dùng để khử trùng nước sinh hoạt Chất X là:	
	$\mathbf{A. O}_2 \qquad \qquad \mathbf{B. Cl}_2 \qquad \qquad \mathbf{C. SO}_2 \qquad \qquad \mathbf{D. O}_3$	
Câu 13.	Hòa tan 10,8 gam một kim loại R có hóa trị không đổi vào dung dịch HCl loãng dư thu được 10,08 lít H <sub>2</sub>	
	(ở đktc). Kim loại R là:	
	<b>A.</b> Mg <b>B.</b> Fe <b>C.</b> Zn <b>D.</b> Al	
Câu 14.	Trộn 100 ml dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 2M và 208g dung dịch BaCl <sub>2</sub> 15% thì khối lượng kết tủa thu được là:	
	<b>A.</b> 58,25g <b>B.</b> 23,30g <b>C.</b> 46,60g <b>D.</b> 34,95g.	
Câu 15.		
	dịch sau phản ứng thu được 65 gam muối khan. Tính <b>m</b> ?	
	<b>A.</b> 22,4 g	
Câu 16.	Oxi hóa 16,8 gam sắt bằng V lít không khí (ở đktc) thu được m gam chất rắn A gồm (Fe, FeO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ,	
	Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> ). Hòa tan hết A bằng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nóng dư thu được 5,6 lít khí SO <sub>2</sub> sản phẩm khử duy	
	nhất. Tính <b>V</b> (Biết các khí đo ở đktc và O <sub>2</sub> chiếm 1/5 thể tích không khí).	
	<b>A.</b> 33,6 lit <b>B.</b> 11,2 lít <b>C.</b> 2,24 lít <b>D.</b> 44,8 lít	
<b>Câu 17.</b>		
	<b>A.</b> O <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> S. <b>B.</b> S, SO <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> <b>C.</b> F <sub>2</sub> , S, SO <sub>3</sub> <b>D.</b> Cl <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	
<b>Câu 18.</b>		
	A. CaCO <sub>3</sub> , Al, CuO  B. Cu, MgO, Fe(OH) <sub>3</sub> C. S, Fe, KOH  D. CaCO <sub>3</sub> , Au, NaOH	
Câu 19.		
	hồ tinh bột, chất khí làm dung dịch chuyển màu xanh là :	
αΛ <b>-</b> Λ	<b>A.</b> O <sub>2</sub> <b>B.</b> H <sub>2</sub> S <b>C.</b> O <sub>3</sub> <b>D.</b> O <sub>3</sub> và O <sub>2</sub>	
Câu 20.	Cho 21,75 gam MnO <sub>2</sub> tác dụng với dung dịch HCl đặc sinh ra <b>V</b> lít khí Cl <sub>2</sub> (đktc), biết hiệu suất phản ứng	
	là 80%. Giá trị của V là:	
	<b>A.</b> 4,48 lít <b>B.</b> 6,72 lít <b>C.</b> 5,6 lít <b>D.</b> 2,24 lít	

11- <u>I ţ luân</u> : (3,0 diem)
<ul> <li>Bài 1. (2,5 điểm)</li> <li>Hoàn thành các phương trình hóa học sau (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có).</li> <li>a. Al + Cl₂ →</li> </ul>
b. $Cu(OH)_2 + HCl \rightarrow$
c. C + H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc, nóng →
d. $Ba(OH)_2 + Na_2SO_4 \rightarrow$
e. $Mg + H_2SO_4 d\tilde{a}c$ , $n\acute{o}ng \rightarrow SO_2 + H_2S + \dots$
(biết tỉ lệ mol $SO_2$ và $H_2S$ là $2:3$ )
Bài 2: (2,5 điểm)  Hòa tan 15 gam hỗn hợp X gồm Al và Cu vào dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% (đặc, nóng, dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thấy thoát ra 10,08 lít khí SO <sub>2</sub> là sản phẩm khử duy nhất (ở đktc) và thu được dung dịch Y.  a. Tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong X. (1,5 điểm)  b. Để trung hòa hết lượng axit dư trong dung dịch Y cần dùng 500 ml dung dịch NaOH 3M. Tính khối lượng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% ban đầu. (0,5 điểm)  c. Lượng axit trên hòa tan vừa hết m gam hỗn hợp FeS <sub>2</sub> , Cu <sub>2</sub> S (tỉ lệ mol tương ứng 1:3) thu được sản phẩm khử duy nhất là SO <sub>2</sub> . Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng. (0,5 điểm)
(Cho: Al=27; Fe =56; Mg=24; Zn=65; Ba=137; O=16; H =1; Cu=64; Na=23; O=16; Mn=55; S=32; Cl=35,5) (Học sinh không được sử dụng Bảng tuần hoàn)

.....

NĂM HỌC 2018 - 2	019
<b>&amp;</b> 🖺 &	

Môn: Hoá học - Lớp 10 Thời gian: 45 phút

STT:

MÃ ĐỀ: H113

<u>Lưu ý:</u> Đề thi gồm 2 trang và Học sinh ghi đáp án vào cột ĐA!

	nghiệm (5,0 điểm)	
1 1140	Nội dung	ÐA
Câu 1.	Cu kim loại có thể tác dụng với chất nào trong các chất sau?	
	<b>A.</b> Khí Cl <sub>2</sub> . <b>B.</b> Dung dịch HCl. <b>C.</b> Dung dịch KOH đặc <b>D.</b> Dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> loãng.	
Câu 2.	Dung dịch axit HCl tác dụng được với dãy chất nào sau đây:	
	<b>A.</b> Zn, CuO, S. <b>B.</b> Fe, Au, MgO <b>C.</b> CuO, Mg, CaCO <sub>3</sub> <b>D.</b> CaO, Ag, Fe(OH) <sub>2</sub>	
Câu 3.	Phương pháp để điều chế khí O <sub>2</sub> trong phòng thí nghiệm là:	
	<b>A.</b> Điện phân H <sub>2</sub> O <b>B.</b> Chưng cất phân đoạn không khí lỏng	
	C. Nhiệt phân KMnO <sub>4</sub> D. Điện phân dung dịch NaCl	
Câu 4.	Có 3 bình đựng 3 chất khí riêng biệt: O <sub>2</sub> , O <sub>3</sub> , H <sub>2</sub> S lần lượt cho từng khí này qua dung dịch KI có pha thêm	
	hồ tinh bột, chất khí làm dung dịch chuyển màu xanh là :	
	<b>A.</b> $O_2$ <b>B.</b> $H_2S$ <b>C.</b> $O_3$ <b>D.</b> $O_3$ và $O_2$	
Câu 5.	Hấp thụ 6,72 lít khí SO <sub>2</sub> (đktc) vào 250 ml dung dịch NaOH 2M. Dung dịch sau phản ứng chứa:	
	<b>A.</b> NaHSO <sub>3</sub> 1,2M. <b>B.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> 1M .	
	<b>C.</b> NaHSO <sub>3</sub> 0,4M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 0,8M. <b>D.</b> NaHSO <sub>3</sub> 0,5M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 1M.	
Câu 6.	Chất nào sau đây tan trong nước nhiều nhất?	
	$\mathbf{A.}  \mathrm{SO}_2 \qquad \qquad \mathbf{B.}  \mathrm{H}_2 \mathrm{S} \qquad \qquad \mathbf{C.}  \mathrm{O}_2 \qquad \qquad \mathbf{D.}  \mathrm{Cl}_2$	
Câu 7.	Dung dịch H <sub>2</sub> S để lâu ngày trong không khí thường có hiện tượng:	
	A. Xuất hiện chất rắn màu đen B. Chuyển sang màu nâu đỏ	
	C. Vẫn trong suốt, không màu D. Bị vẫn đục, màu vàng.	
Câu 8.	Thuốc thử để phân biệt 2 bình đựng khí H <sub>2</sub> S, O <sub>2</sub> là:	
	<b>A.</b> Dd HCl <b>B.</b> Dd KOH <b>C.</b> Dd NaCl <b>D.</b> Dd Pb(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>	
Câu 9.	Nguyên tử nguyên tố nhóm VIIA có cấu hình electron lớp ngoài cùng là:	
~A 40	<b>A.</b> $ns^2np^3$ <b>B.</b> $ns^2np^4$ <b>C.</b> $ns^2np^5$ <b>D.</b> $ns^2np^7$	
Câu 10.		
	$\begin{array}{cccccccccccccccccccccccccccccccccccc$	
Câu 11.		
	là 80%. Giá trị của <b>V</b> là: <b>A.</b> 4,48 lít <b>B.</b> 6,72 lít <b>C.</b> 5,6 lít <b>D.</b> 2,24 lít	
Câu 12.		
Cau 12.	<b>A.</b> O <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> S. <b>B.</b> S, SO <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> <b>C.</b> F <sub>2</sub> , S, SO <sub>3</sub> <b>D.</b> Cl <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	
Câu 13.		
Cau 13.	Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> ). Hòa tan hết A bằng dung dịch $H_2SO_4$ đặc nóng dư thu được 5,6 lít khí $SO_2$ sản phẩm khử duy	
	nhất. Tính $V$ (Biết các khí đo ở đktc và $O_2$ chiếm $1/5$ thể tích không khí).	
	<b>A.</b> 33,6 lit <b>B.</b> 11,2 lít <b>C.</b> 2,24 lít <b>D.</b> 44,8 lít	
Câu 14.		
	<b>A.</b> CaCO <sub>3</sub> , Al, CuO <b>B.</b> Cu, MgO, Fe(OH) <sub>3</sub> <b>C.</b> S, Fe, KOH <b>D.</b> CaCO <sub>3</sub> , Au, NaOH	
Câu 15.	Trộn 100 ml dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 2M và 208g dung dịch BaCl <sub>2</sub> 15% thì khối lượng kết tủa thu được là:	
	<b>A.</b> 58,25g <b>B.</b> 23,30g <b>C.</b> 46,60g <b>D.</b> 34,95g.	
Câu 16.		
	dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc, nóng. Số phản ứng oxi hoá - khử là:	
	<b>A.</b> 9 <b>B.</b> 8 <b>C.</b> 7 <b>D.</b> 6	
Câu 17.	Dẫn khí clo qua dung dịch NaOH ở nhiệt độ phòng, muối thu được là:	
~	A. NaCl, NaClO <sub>3</sub> B. NaCl, NaClO  C. NaCl, NaClO <sub>4</sub> D. NaClO, NaClO <sub>3</sub>	
<b>Câu 18.</b>		
	(ở đkte). Kim loại R là:	
O^ 40	<b>A.</b> Mg <b>B.</b> Fe <b>C.</b> Zn <b>D.</b> Al	
Câu 19.		
	dịch sau phản ứng thu được 65 gam muối khan. Tính <b>m</b> ?	
C\$ 20	A. 22,4 g B. 32,0 g C. 21,2 g D. 30,2 g	
Câu 20.	Có 4 dd sau đây: HCl, Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> , NaCl, Ba(OH) <sub>2</sub> . Chỉ dùng thêm 1 hóa chất nào sau đây để phân biệt được 4 chất trên?	
	·	
	<b>A.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> . <b>B.</b> Phenolphtalein. <b>C.</b> dd AgNO <sub>3</sub> . <b>D.</b> Quỳ tím	

<u>11-1 y luận (3,0 atem)</u>
Bài 1. (2,5 điểm) Hoàn thành các phương trình hóa học sau (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có).
a. Fe + $Cl_2 \longrightarrow$
b. $Ba(NO_3)_2 + MgSO_4 \longrightarrow$
c. $HCl + Mg(OH)_2 \longrightarrow$
d. $P + H_2SO_4$ đặc, nóng $\longrightarrow$
e. Al + $H_2SO_4$ đặc, nóng $\longrightarrow$ $SO_2$ + $H_2S$ +
(biết tỉ lệ mol $SO_2$ và $H_2S$ là 1 : 3)
Bài 2. (2,5 điểm)  Hòa tan 22,8 gam hỗn hợp X gồm Mg và Fe vào dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% (đặc, nóng, dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thấy thoát ra 15,68 lít khí SO <sub>2</sub> là sản phẩm khử duy nhất (ở đktc) và thu được dung dịch Y.  a. Tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong X. (1,5 điểm)  b. Để trung hòa hết lượng axit dư trong dung dịch Y cần dùng 400 ml dung dịch NaOH 3M. Tính khối lượng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% ban đầu. (0,5 điểm)  c. Lượng axit trên hòa tan vừa hết m gam hỗn hợp FeS <sub>2</sub> , Cu <sub>2</sub> S (tỉ lệ mol tương ứng 2:1) thu được sản phẩm khử duy nhất là SO <sub>2</sub> . Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng. (0,5 điểm)
(Cho: Al=27; Fe =56; Mg=24; Zn=65; Ba=137; O=16; H =1; Cu=64; Na=23; O=16; Mn=55; S=32; Cl=35,5) (Học sinh không được sử dụng Bảng tuần hoàn)

NĂM HỌC 2018	- 2019

Môn: Hoá học - Lớp 10 Thời gian: 45 phút

CT	rT.	
~ -		

MÃ ĐỀ: H114

		511.	WIA DE. IIII4
	Đề thi gồm <b>2 trang</b> và Học sinh <b>ghi đáp án vào cột ĐA!</b>		
<u>I–Trăc</u>	nghiệm (5,0 điểm)		
GA 1	Nội dung		ÐA
Câu 1.	Phương pháp để điều chế khí O <sub>2</sub> trong phòng thí nghiệm là:		
	<b>A.</b> Điện phân H <sub>2</sub> O <b>B.</b> Chưng cất phân đoạn kh		
	C. Nhiệt phân KMnO <sub>4</sub> D. Điện phân dung dịch Na		
Câu 2.	Hòa tan hết <b>m</b> gam hỗn hợp CuO, MgO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> vào 400 ml dung dịch	axit HCl 3M vừa đ	ů. Cô cạn dung
	dịch sau phản ứng thu được 65 gam muối khan. Tính <b>m</b> ?	<b>D</b> 20.2	
~~ _	<b>A.</b> 22,4 g <b>B.</b> 32,0 g <b>C.</b> 21,2 g	<b>D.</b> 30,2 g	
Câu 3.	Dãy chất tác dụng được với dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nguội là: <b>A.</b> CaCO <sub>3</sub> , Al, CuO <b>B.</b> Cu, MgO, Fe(OH) <sub>3</sub> <b>C.</b> S, Fe, KO	<b>В.</b> Са	CO <sub>3</sub> , Au, NaOH
Câu 4.	Có 3 bình đựng 3 chất khí riêng biệt: O <sub>2</sub> , O <sub>3</sub> , H <sub>2</sub> S lần lượt cho từng kh	í này qua dung dicl	h KI có pha thêm
	hồ tinh bột, chất khí làm dung dịch chuyển màu xanh là:	<i>J</i> 1 <i>C</i> .	1
	<b>A.</b> $O_2$ <b>B.</b> $H_2S$ <b>C.</b> $O_3$	Ι	$\mathbf{O.} \ \mathrm{O_3} \ \mathrm{va} \ \mathrm{O_2}$
Câu 5.	Nguyên tử nguyên tố nhóm VIIA có cấu hình electron lớp ngoài cùng	là:	
	<b>A.</b> $ns^2np^3$ <b>B.</b> $ns^2np^4$ <b>C.</b> $ns^2np^5$	$\mathbf{D}$ . $\mathrm{ns}^2$	np <sup>7</sup>
Câu 6.	Dẫn khí clo qua dung dịch NaOH ở nhiệt độ phòng, muối thu được là:		
	<b>A.</b> NaCl, NaClO <sub>3</sub> <b>B.</b> NaCl, NaClO <b>C.</b> NaCl, NaCl	ClO <sub>4</sub> <b>D.</b> NaC	
Câu 7.	Hòa tan 10,8 gam một kim loại R có hóa trị không đổi vào dung dịch I	HCl loãng dư thu đ	ược 10,08 lít H <sub>2</sub>
	(ở đktc). Kim loại R là:		
	A. Mg B. Fe C. Zn	D. Al	
Câu 8.	Hấp thụ 6,72 lít khí SO <sub>2</sub> (đktc) vào 250 ml dung dịch NaOH 2M. Dung		g chứa:
	<b>A.</b> NaHSO <sub>3</sub> 1,2M. <b>B.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> 1N		
~4 ^		0,5M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 1	M.
Câu 9.	Cu kim loại có thể tác dụng với chất nào trong các chất sau?	T 4× T D D 11	
αΔ 4Ω	A. Khí Cl <sub>2</sub> .  B. Dung dịch HCl.  C. Dung dịch KOF	i dạc <b>D.</b> Dung dị	ich H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> Ioang.
<b>Câu 10.</b>	Dung dịch axit HCl tác dụng được với dãy chất nào sau đây:	C-CO <b>D</b> C-4	O A - E-(OH)
Câ., 11		CaCO <sub>3</sub> <b>D.</b> Cac	
Câu 11.	Chất X là chất khí ở điều kiện thường, có màu vàng lục, dùng để khử t A. O <sub>2</sub> B. Cl <sub>2</sub> C. SO <sub>2</sub>	rung nuoc sinn noa <b>D</b> . O	
Câu 12.	Oxi hóa 16,8 gam sắt bằng <b>V</b> lít không khí (ở đktc) thu được m gam c	,	
Cau 12.	Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> ). Hòa tan hết A bằng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nóng dư thu được 5,		
	nhất. Tính V (Biết các khí đo ở đktc và O <sub>2</sub> chiếm 1/5 thể tích không kh		lam kna day
	<b>A.</b> 33,6 lit <b>B.</b> 11,2 lít <b>C.</b> 2,24 lít	<b>D.</b> 44,8 lít	
Câu 13.	Có 4 dd sau đây: HCl, Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> , NaCl, Ba(OH) <sub>2</sub> . Chỉ dùng thêm 1 hớ		để phân biệt
	được 4 chất trên?		
	<b>A.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> . <b>B.</b> Phenolphtalein. <b>C.</b> dd AgNC	<b>D.</b> Qu	ıỳ tím
Câu 14.	Dãy chất nào sau đây vừa có tính oxi hoá, vừa có tính khử?		
	<b>A.</b> $O_2$ , $Cl_2$ , $H_2S$ . <b>B.</b> $S$ , $SO_2$ , $Cl_2$ <b>C.</b> $F_2$ , $S$ , $SO_2$	$\mathbf{D}_3$ $\mathbf{D}_1$ $\mathbf{Cl}_2$	, SO <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>
Câu 15.	Cho lần lượt các chất sau: Cu, C, MgO, KBr, FeS, Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> , Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , Fe		
	dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc, nóng. Số phản ứng oxi hoá - khử là:		
	<b>A.</b> 9 <b>B.</b> 8 <b>C.</b> 7	<b>D.</b> 6	
Câu 16.	Thuốc thử để phân biệt 2 bình đựng khí H <sub>2</sub> S, O <sub>2</sub> là:		
	A. Dd HCl B. Dd KOH C. Dd NaCl		d Pb(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>
Câu 17.	Cho 21,75 gam MnO <sub>2</sub> tác dụng với dung dịch HCl đặc sinh ra V lít kh	í Cl <sub>2</sub> (đktc), biết hiể	ệu suât phản ứng
	là 80%. Giá trị của V là:		,
~.	<b>A.</b> 4,48 lít <b>B.</b> 6,72 lít <b>C.</b> 5,6 lít	<b>D.</b> 2,24 lí	ít
<b>Câu 18.</b>	Dung dịch H <sub>2</sub> S để lâu ngày trong không khí thường có hiện tượng:	A 12	
	A. Xuất hiện chất rắn màu đen  B. Chuyển sang màu		
O^ 40	C. Vẫn trong suốt, không màu D. Bị vẫn đục, màu v	ang.	
Câu 19.	Chất nào sau đây tan trong nước nhiều nhất?	<b>D</b> C1	
O\$ 40	<b>A.</b> SO <sub>2</sub> <b>B.</b> H <sub>2</sub> S <b>C.</b> O <sub>2</sub>	<b>D.</b> Cl <sub>2</sub>	hu được 12:
Câu 20.	Trộn 100 ml dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 2M và 208g dung dịch BaCl <sub>2</sub> 15% thì k		
	<b>A.</b> 58,25g <b>B.</b> 23,30g <b>C.</b> 46,60g	<b>D.</b> 34,95	g.

II- <u>Tự luận</u> : (5,0 điểm)
<ul> <li>Bài 1. (2,5 điểm)</li> <li>Hoàn thành các phương trình hóa học sau (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có).</li> <li>a. Al + Cl<sub>2</sub> →</li> </ul>
b. $Cu(OH)_2 + HCl \rightarrow$
c. $C + H_2SO_4$ đặc, nóng $\rightarrow$
d. $Ba(OH)_2 + Na_2SO_4 \rightarrow$
e. $Mg + H_2SO_4$ đặc, nóng $\rightarrow SO_2 + H_2S + \dots$
(biết tỉ lệ mol SO <sub>2</sub> và H <sub>2</sub> S là 2 : 3)
Bài 2: (2,5 điểm)  Hòa tan 15 gam hỗn hợp X gồm Al và Cu vào dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% (đặc, nóng, dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thấy thoát ra 10,08 lít khí SO <sub>2</sub> là sản phẩm khử duy nhất (ở đktc) và thu được dung dịch Y.  a. Tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong X. (1,5 điểm)  b. Để trung hòa hết lượng axit dư trong dung dịch Y cần dùng 500 ml dung dịch NaOH 3M. Tính khối lượng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% ban đầu. (0,5 điểm)  c. Lượng axit trên hòa tan vừa hết m gam hỗn hợp FeS <sub>2</sub> , Cu <sub>2</sub> S (tỉ lệ mol tương ứng 1:3) thu được sản phẩm khử duy nhất là SO <sub>2</sub> . Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng. (0,5 điểm)
(Cho: Al=27; Fe =56; Mg=24; Zn=65; Ba=137; O=16; H =1; Cu=64; Na=23; O=16; Mn=55; S=32; Cl=35,5) (Học sinh không được sử dụng Bảng tuần hoàn)

.....

NĂM HỌC 2018 - 2019 

Môn: Hoá học - Lớp 10 Thời gian: 45 phút

STT:

MÃ ĐỀ: H117

<u>Lưu ý:</u> Đề thi gồm 2 trang và Học sinh ghi đáp án vào cột ĐA! I–Trắc nghiêm (5.0 điểm)

<u>I–Trăc</u>	nghiệm (5,0 điếm)	•
	Nội dung	ÐA
Câu 1.	Dẫn khí clo qua dung dịch NaOH ở nhiệt độ phòng, muối thu được là:	
	A. NaCl, NaClO <sub>3</sub> B. NaCl, NaClO C. NaCl, NaClO <sub>4</sub> D. NaClO, NaClO <sub>3</sub>	
Câu 2.	Nguyên tử nguyên tố nhóm VIIA có cấu hình electron lớp ngoài cùng là:	
	<b>A.</b> $ns^2np^3$ <b>B.</b> $ns^2np^4$ <b>C.</b> $ns^2np^5$ <b>D.</b> $ns^2np^7$	
Câu 3.	Hòa tan hết <b>m</b> gam hỗn hợp CuO, MgO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> vào 400 ml dung dịch axit HCl 3M vừa đủ. Cô cạn dung	
	dịch sau phản ứng thu được 65 gam muối khan. Tính <b>m</b> ?	
	<b>A.</b> 22,4 g <b>B.</b> 32,0 g <b>C.</b> 21,2 g <b>D.</b> 30,2 g	
Câu 4.	Oxi hóa 16,8 gam sắt bằng V lít không khí (ở đktc) thu được m gam chất rắn A gồm (Fe, FeO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ,	
	Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> ). Hòa tan hết A bằng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nóng dư thu được 5,6 lít khí SO <sub>2</sub> sản phẩm khử duy	
	nhất. Tính <b>V</b> (Biết các khí đo ở đktc và O <sub>2</sub> chiếm 1/5 thể tích không khí).	
	<b>A.</b> 33,6 lit <b>B.</b> 11,2 lít <b>C.</b> 2,24 lít <b>D.</b> 44,8 lít	
Câu 5.	Có 4 dd sau đây: HCl, Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> , NaCl, Ba(OH) <sub>2</sub> . Chỉ dùng thêm 1 hóa chất nào sau đây để phân biệt	
	được 4 chất trên?	
	<b>A.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> . <b>B.</b> Phenolphtalein. <b>C.</b> dd AgNO <sub>3</sub> . <b>D.</b> Quỳ tím	
Câu 6.	Phương pháp để điều chế khí O <sub>2</sub> trong phòng thí nghiệm là:	
	<b>A.</b> Điện phân H <sub>2</sub> O <b>B.</b> Chưng cất phân đoạn không khí lỏng	
	C. Nhiệt phân KMnO <sub>4</sub> D. Điện phân dung dịch NaCl	
Câu 7.	Chất X là chất khí ở điều kiện thường, có màu vàng lục, dùng để khử trùng nước sinh hoạt Chất X là:	
	$\mathbf{A}. \ \mathrm{O}_2 \qquad \qquad \mathbf{B}. \ \mathrm{Cl}_2 \qquad \qquad \mathbf{C}. \ \mathrm{SO}_2 \qquad \qquad \mathbf{D}. \ \mathrm{O}_3$	
Câu 8.	Thuốc thử để phân biệt 2 bình đựng khí $H_2S$ , $O_2$ là:	
	<b>A.</b> Dd HCl <b>B.</b> Dd KOH <b>C.</b> Dd NaCl <b>D.</b> Dd Pb(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>	
Câu 9.	Hòa tan 10,8 gam một kim loại R có hóa trị không đổi vào dung dịch HCl loãng dư thu được 10,08 lít H <sub>2</sub>	
	(ở đktc). Kim loại R là:	
	<b>A.</b> Mg <b>B.</b> Fe <b>C.</b> Zn <b>D.</b> Al	
Câu 10.		
	dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc, nóng. Số phản ứng oxi hoá - khử là:	
	<b>A.</b> 9 <b>B.</b> 8 <b>C.</b> 7 <b>D.</b> 6	
Câu 11.		
	hồ tinh bột, chất khí làm dung dịch chuyển màu xanh là :	
	<b>A.</b> $O_2$ <b>B.</b> $H_2S$ <b>C.</b> $O_3$ <b>D.</b> $O_3$ và $O_2$	
Câu 12.		
	A. Xuất hiện chất rắn màu đen B. Chuyển sang màu nâu đỏ	
	C. Vẫn trong suốt, không màu D. Bị vấn đục, màu vàng.	
Câu 13.		
	A. Khí Cl <sub>2</sub> .  B. Dung dịch HCl.  C. Dung dịch KOH đặc  D. Dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> loãng.	
Câu 14.		
	<b>A.</b> NaHSO <sub>3</sub> 1,2M. <b>B.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> 1M.	
~~ 4=	C. NaHSO <sub>3</sub> 0,4M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 0,8M.  D. NaHSO <sub>3</sub> 0,5M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 1M.	
Câu 15.		
	là 80%. Giá trị của V là:	
O2 16	<b>A.</b> 4,48 lít <b>B.</b> 6,72 lít <b>C.</b> 5,6 lít <b>D.</b> 2,24 lít	
Câu 16.		
O\$ 15	<b>A.</b> 58,25g <b>B.</b> 23,30g <b>C.</b> 46,60g <b>D.</b> 34,95g.	
Câu 17.		
Câ., 10	A. CaCO <sub>3</sub> , Al, CuO  B. Cu, MgO, Fe(OH) <sub>3</sub> C. S, Fe, KOH  D. CaCO <sub>3</sub> , Au, NaOH	
Câu 18.		
Cô 10	<b>A.</b> O <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> S. <b>B.</b> S, SO <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> <b>C.</b> F <sub>2</sub> , S, SO <sub>3</sub> <b>D.</b> Cl <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	
Câu 19.		
O^ O^	A. SO <sub>2</sub> B. H <sub>2</sub> S C. O <sub>2</sub> D. Cl <sub>2</sub>	
Câu 20.		
	<b>A.</b> Zn, CuO, S. <b>B.</b> Fe, Au, MgO <b>C.</b> CuO, Mg, CaCO <sub>3</sub> <b>D.</b> CaO, Ag, Fe(OH) <sub>2</sub>	$\perp$

<u>II–Tự luận (5,0 điểm)</u>
Bài 1. (2,5 điểm) Hoàn thành các phương trình hóa học sau (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có).
a. Fe + Cl <sub>2</sub> $\longrightarrow$
b. $Ba(NO_3)_2 + MgSO_4 \longrightarrow$
c. $HCl + Mg(OH)_2 \longrightarrow$
d. $P + H_2SO_4$ đặc, nóng $\longrightarrow$
e. Al + $H_2SO_4$ đặc, nóng $\longrightarrow$ $SO_2$ + $H_2S$ +
(biết tỉ lệ mol $SO_2$ và $H_2S$ là 1 : 3)
Bài 2. (2,5 điểm)  Hòa tan 22,8 gam hỗn hợp X gồm Mg và Fe vào dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% (đặc, nóng, dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thấy thoát ra 15,68 lít khí SO <sub>2</sub> là sản phẩm khử duy nhất (ở đktc) và thu được dung dịch Y.  a. Tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong X. (1,5 điểm)  b. Để trung hòa hết lượng axit dư trong dung dịch Y cần dùng 400 ml dung dịch NaOH 3M. Tính khối lượng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% ban đầu. (0,5 điểm)  c. Lượng axit trên hòa tan vừa hết m gam hỗn hợp FeS <sub>2</sub> , Cu <sub>2</sub> S (tỉ lệ mol tương ứng 2:1) thu được sản phẩm khử duy nhất là SO <sub>2</sub> . Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng. (0,5 điểm)
(Cho: Al=27; Fe =56; Mg=24; Zn=65; Ba=137; O=16; H =1; Cu=64; Na=23; O=16; Mn=55; S=32; Cl=35,5) (Học sinh không được sử dụng Bảng tuần hoàn)

NĂM HỌC 2018 - 201	19

Môn: Hoá học - Lớp 10 Thời gian: 45 phút

C7	P	٦.
<b>O</b> 1	L	

MÃ ĐỀ: H118

	Để thi gồm <b>2 trang</b> và Học sinh <b>ghi đáp án vào cột ĐA!</b> nghiệm (5,0 điểm)
	Nội du
Cân 1	Nauvên tử nauvên tế nhóm VII A có cấu hình gloatron le

<u>I–Trắc</u>	nghiệm (5,0 điểm)	1					
	Nội dung	ÐA					
Câu 1.	Nguyên tử nguyên tố nhóm VIIA có cấu hình electron lớp ngoài cùng là:						
	<b>A.</b> $ns^2np^3$ <b>B.</b> $ns^2np^4$ <b>C.</b> $ns^2np^5$ <b>D.</b> $ns^2np^7$						
Câu 2.	Dung dịch H <sub>2</sub> S để lâu ngày trong không khí thường có hiện tượng:						
	A. Xuất hiện chất rắn màu đen B. Chuyển sang màu nâu đỏ						
	C. Vẫn trong suốt, không màu D. Bị vẫn đục, màu vàng.						
Câu 3.	Hòa tan hết <b>m</b> gam hỗn hợp CuO, MgO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> vào 400 ml dung dịch axit HCl 3M vừa đủ. Cô cạn dung						
	dịch sau phản ứng thu được 65 gam muối khan. Tính <b>m</b> ?						
	<b>A.</b> 22,4 g						
Câu 4.	Dãy chất tác dụng được với dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nguội là:						
	<b>A.</b> CaCO <sub>3</sub> , Al, CuO <b>B.</b> Cu, MgO, Fe(OH) <sub>3</sub> <b>C.</b> S, Fe, KOH <b>D.</b> CaCO <sub>3</sub> , Au, NaOH						
Câu 5.	<b>A.</b> NaHSO <sub>3</sub> 1.2M. <b>B.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> 1M.						
	<b>C.</b> NaHSO <sub>3</sub> 0,4M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 0,8M. <b>D.</b> NaHSO <sub>3</sub> 0,5M và Na <sub>2</sub> SO <sub>3</sub> , 1M.						
Câu 6.	Hòa tan 10,8 gam một kim loại R có hóa trị không đôi vào dung dịch HCl loãng dư thu được 10,08 lít H <sub>2</sub>						
	(ở đktc). Kim loại R là:						
	<b>A.</b> Mg <b>B.</b> Fe <b>C.</b> Zn <b>D.</b> Al	<u> </u>					
Câu 7.	Dãy chất nào sau đây vừa có tính oxi hoá, vừa có tính khử?						
	<b>A.</b> $O_2$ , $Cl_2$ , $H_2S$ . <b>B.</b> $S$ , $SO_2$ , $Cl_2$ <b>C.</b> $F_2$ , $S$ , $SO_3$ <b>D.</b> $Cl_2$ , $SO_2$ , $H_2SO_4$						
Câu 8.	Cho 21,75 gam MnO <sub>2</sub> tác dụng với dung dịch HCl đặc sinh ra <b>V</b> lít khí Cl <sub>2</sub> (đktc), biết hiệu suất phản ứng						
	là 80%. Giá trị của <b>V</b> là:						
	<b>A.</b> 4,48 lít <b>B.</b> 6,72 lít <b>C.</b> 5,6 lít <b>D.</b> 2,24 lít						
Câu 9.	Thuốc thử để phân biệt $2$ bình đựng khí $H_2S$ , $O_2$ là:						
	<b>A.</b> Dd HCl <b>B.</b> Dd KOH <b>C.</b> Dd NaCl <b>D.</b> Dd Pb(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>						
Câu 10.	Dung dịch axit HCl tác dụng được với dãy chất nào sau đây:						
	<b>A.</b> Zn, CuO, S. <b>B.</b> Fe, Au, MgO <b>C.</b> CuO, Mg, CaCO <sub>3</sub> <b>D.</b> CaO, Ag, Fe(OH) <sub>2</sub>						
Câu 11.							
	<b>A.</b> Khí Cl <sub>2</sub> . <b>B.</b> Dung dịch HCl. <b>C.</b> Dung dịch KOH đặc <b>D.</b> Dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> loãng.						
Câu 12.							
	<b>A.</b> $SO_2$ <b>B.</b> $H_2S$ <b>C.</b> $O_2$ <b>D.</b> $Cl_2$						
Câu 13.	Phương pháp để điều chế khí $O_2$ trong phòng thí nghiệm là:						
	A. Điện phân H2OB. Chưng cất phân đoạn không khí lỏng						
	C. Nhiệt phân KMnO <sub>4</sub> D. Điện phân dung dịch NaCl						
Câu 14.							
	được 4 chất trên?						
	<b>A.</b> Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> . <b>B.</b> Phenolphtalein. <b>C.</b> dd AgNO <sub>3</sub> . <b>D.</b> Quỳ tím						
Câu 15.	Có 3 bình đựng 3 chất khí riêng biệt: O <sub>2</sub> , O <sub>3</sub> , H <sub>2</sub> S lần lượt cho từng khí này qua dung dịch KI có pha thêm						
	hồ tinh bột, chất khí làm dung dịch chuyển màu xanh là :						
	<b>A.</b> $O_2$ <b>B.</b> $H_2S$ <b>C.</b> $O_3$ <b>D.</b> $O_3$ và $O_2$						
Câu 16.	Chất X là chất khí ở điều kiện thường, có màu vàng lục, dùng để khử trùng nước sinh hoạt Chất X là:						
	$\mathbf{A}. \ \mathrm{O}_2 \qquad \qquad \mathbf{B}. \ \mathrm{Cl}_2 \qquad \qquad \mathbf{C}. \ \mathrm{SO}_2 \qquad \qquad \mathbf{D}. \ \mathrm{O}_3$						
Câu 17.	Dẫn khí clo qua dung dịch NaOH ở nhiệt độ phòng, muối thu được là:						
	A. NaCl, NaClO <sub>3</sub> B. NaCl, NaClO  C. NaCl, NaClO <sub>4</sub> D. NaClO, NaClO <sub>3</sub>						
Câu 18.	Oxi hóa 16,8 gam sắt bằng V lít không khí (ở đktc) thu được m gam chất rắn A gồm (Fe, FeO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ,						
	Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> ). Hòa tan hết A bằng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nóng dư thu được 5,6 lít khí SO <sub>2</sub> sản phẩm khử duy						
	nhất. Tính <b>V</b> (Biết các khí đo ở đktc và O <sub>2</sub> chiếm 1/5 thể tích không khí).						
	<b>A.</b> 33,6 lit <b>B.</b> 11,2 lít <b>C.</b> 2,24 lít <b>D.</b> 44,8 lít						
Câu 19.	Trộn 100 ml dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 2M và 208g dung dịch BaCl <sub>2</sub> 15% thì khối lượng kết tủa thu được là:						
<del></del>	<b>A.</b> 58,25g <b>B.</b> 23,30g <b>C.</b> 46,60g <b>D.</b> 34,95g.						
Câu 20.							
2 <b>- v</b> •	dung dịch $H_2SO_4$ đặc, nóng. Số phản ứng oxi hoá - khử là:						
	<b>A.</b> 9 <b>B.</b> 8 <b>C.</b> 7 <b>D.</b> 6						
		1					

II- <u>Tự luận</u> : (5,0 điểm)
Bài 1. (2,5 điểm)  Hoàn thành các phương trình hóa học sau (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có).
a. Al + $Cl_2 \rightarrow$
b. $Cu(OH)_2 + HCl \rightarrow$
c. C + H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc, nóng →
d. $Ba(OH)_2 + Na_2SO_4 \rightarrow$
e. $Mg + H_2SO_4$ đặc, nóng $\rightarrow SO_2 + H_2S + \dots$
(biết tỉ lệ mol SO <sub>2</sub> và H <sub>2</sub> S là 2 : 3)
Bài 2: (2,5 điểm)  Hòa tan 15 gam hỗn hợp X gồm Al và Cu vào dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% (đặc, nóng, dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thấy thoát ra 10,08 lít khí SO <sub>2</sub> là sản phẩm khử duy nhất (ở đktc) và thu được dung dịch Y.  a. Tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong X. (1,5 điểm)  b. Để trung hòa hết lượng axit dư trong dung dịch Y cần dùng 500 ml dung dịch NaOH 3M. Tính khối lượng dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 98% ban đầu. (0,5 điểm)  c. Lượng axit trên hòa tan vừa hết m gam hỗn hợp FeS <sub>2</sub> , Cu <sub>2</sub> S (tỉ lệ mol tương ứng 1:3) thu được sản phẩm khử duy nhất là SO <sub>2</sub> . Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng. (0,5 điểm)
(Cho: Al=27; Fe =56; Mg=24; Zn=65; Ba=137; O=16; H =1; Cu=64; Na=23; O=16; Mn=55; S=32; Cl=35,5) (Học sinh không được sử dụng Bảng tuần hoàn)

#### ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2016-2017 Môn: Hoá học 10

### I – Trắc nghiệm (5,0 điểm)

Câu	111	112	113	114	115	116	117	118
Câu 1.	A	D	A	C	В	C	В	C
Câu 2.	В	C	C	В	C	В	C	D
Câu 3.	A	В	C	В	D	A	В	В
Câu 4.	C	D	C	C	D	C	В	В
Câu 5.	C	C	C	C	В	C	D	C
Câu 6.	C	В	A	В	A	A	C	A
Câu 7.	D	В	D	A	C	D	В	В
Câu 8.	A	В	D	C	В	D	D	A
Câu 9.	В	A	C	A	В	C	A	D
Câu 10.	В	D	В	C	A	D	C	C
Câu 11.	В	C	A	В	C	C	C	A
Câu 12.	C	C	В	В	В	В	D	A
Câu 13.	D	C	В	D	D	A	A	C
Câu 14.	C	A	В	В	C	D	C	D
Câu 15.	A	В	D	C	C	В	A	C
Câu 16.	В	A	C	D	C	В	D	В
Câu 17.	В	C	В	A	A	В	В	В
Câu 18.	C	D	A	D	В	В	В	В
Câu 19.	D	A	В	A	A	C	A	D
Câu 20.	D	В	D	D	D	A	C	C

#### II – Tự luận (5,0 điểm)

#### Mã đề: 111,113,115,117

Bài 1: (2,5 điểm). Mỗi phương trình đúng được 0,5 điểm. Thiếu cân bằng và điều kiện phản ứng trừ 0,25 điểm.

- a.  $2\text{Fe} + 3\text{Cl}_2 \xrightarrow{T^0} 2\text{FeCl}_3$
- b.  $Ba(NO_3)_2 + MgSO_4 \longrightarrow BaSO_4 + Mg(NO_3)_2$
- c.  $2HCl + Mg(OH)_2 \longrightarrow MgCl_2 + 2H_2O$
- d.  $2P + 5H_2SO_4$  đặc nóng  $\longrightarrow 2H_3PO_4 + 5SO_2 + 2H_2O$
- e.  $26Al + 51H_2SO_4$  đặc, nóng  $\longrightarrow 13Al_2(SO_4)_3 + 3SO_2 + 9H_2S + 42H_2O$

#### Bài 2: (2,5 điểm).

<b>a.(1,5 d)</b> Mg +2H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc nóng → MgSO <sub>4</sub> +SO <sub>2</sub> + 2H <sub>2</sub> O	0.25#			
$\begin{array}{cccccccccccccccccccccccccccccccccccc$	0,25đ			
$2Fe +6H2SO4 dặc nóng \rightarrow Fe2(SO4)3 +3SO2 + 6H2O$	0.25đ			
y 3y y/2 1,5y (mol)	0.254			
Gọi số mol Mg và Fe lần lượt là x và y (mol) $\rightarrow$ m <sub>A</sub> = 24x + 56y = 22,8 (g) (1)				
$n_{SO2} = 0.7 \text{ (mol)} => x + 1.5y = 0.7 \text{ mol } (2)$	0,5đ			
Giải hệ pt (1) và (2) $\rightarrow$ x = 0,25; y = 0,3 (mol) % $m_{Mg} = 26,32\%$ ; % $m_{Fe} = 73,68\%$				
(Học sinh có thể giải theo phương pháp bảo toàn electron vẫn được điểm tối đa)	0,5đ			
<b>b.(0,5 d)</b> $n_{2}SO_{4 ptr} = 2n_{2}SO_{2} = 1,4 mol; n_{2}SO_{4} = 1,2 mol$				
$H_2SO_4 + 2NaOH \rightarrow Na_2SO_4 + 2H_2O$				
0,6 mol 1,2 mol				
$n_{H_2SO_4 dy} = \frac{1}{2} n \text{ NaOH} = 0.6 \text{ mol}$				
1111 <sub>2</sub> 504 <sub>dtr</sub> = 72 11 14dO11 =0,0 mor				
$\mathbf{n}_{H_2SO_{4d\tilde{a}d\hat{u}ng}} = 1,4+0,6=2 \text{ mol.}$				
$m ddH_2SO_4 d\bar{a} dung = 200 gam$	0,25đ			
c.(0,5 d) $2\text{FeS}_2 + 14\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ d nong} \rightarrow \text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3 + 15\text{SO}_2 + 14\text{H}_2\text{O}$	0,25đ			
2a 14a a				
$Cu_2S + 6H_2SO_4 \text{ d nóng} \rightarrow 2CuSO_4 + 5SO_2 + 6H_2O$				
a 6a 2a				

 $n_{H_2SO_4 d\tilde{a} d\hat{u}ng} = 14a + 6a = 2 \text{ mol.} \implies a = 0,1 \text{ mol};$   $m_{u}\hat{o}i = m_{e_2(SO_4)_3} + m_{u}CuSO_4 = 72 \text{ gam}$  0,25

### Mã đề: 112,114,116,118

Bài 1: (2,5 điểm). Mỗi phương trình đúng được 0,5 điểm. Thiếu cân bằng và điều kiện phản ứng trừ 0,25 điểm.

$$\begin{array}{c} a/\ 2Al + 3Cl_2 & \xrightarrow{T^0} & 2AlCl_3 \\ b/\ 2HCl + Cu(OH)_2 & \longrightarrow & CuCl_2 + 2H_2O \\ c/\ C + 2H_2SO_4 \mathop{\tt d\~ac} \ n\'ong & \longrightarrow & CO_2 + 2SO_2 + 2H_2O \end{array}$$

$$d/Ba(OH)_2 + Na_2SO_4 \longrightarrow BaSO_4 + 2NaOH$$

e/ 
$$14Mg + 19H_2SO_4$$
 đặc, nóng  $\longrightarrow 14MgSO_4 + 2SO_2 + 3H_2S + 16H_2O$ 

#### Bài 2: (2,5 điểm).

a.(1,5 d)	
Cu $+2H_2SO_4$ đặc nóng $\rightarrow$ CuSO <sub>4</sub> $+SO_2 + 2H_2O$	0,25đ
$\begin{array}{cccccccccccccccccccccccccccccccccccc$	
$2A1 + 6H2SO4 dặc nóng \rightarrow Al2(SO4)3 + 3SO2 + 6H2O$	0.25đ
$y = 3y \qquad \qquad y/2 \qquad 1,5y \qquad \qquad (mol)$	
Gọi số mol Cu và Al lần lượt là x và y (mol) $\rightarrow$ m <sub>A</sub> = 64x + 27y = 15 (g) (1)	
$n_{SO2} = 0.45 \text{ (mol)} => x + 1.5y = 0.45 \text{ mol (2)}$	0,5đ
Giải hệ pt (1) và (2) $\Rightarrow$ x = 0,15; y = 0,2 (mol)	0,50
$\% m_{Cu} = 64\%; \% m_{Al} = 36\%$	0,5đ
(Học sinh có thể giải theo phương pháp bảo toàn electron vẫn được điểm tối đa)	0,54
<b>b.(0,5 d)</b> $n_{2}SO_{4 pr} = 2n_{2}SO_{2} = 0.9 \text{ mol}; n_{2}SO_{4} = 1.5 \text{ mol}$	
$H_2SO_4 + 2NaOH \rightarrow Na_2SO_4 + 2H_2O$	0,25đ
0,75 mol 1,5 mol	
$n_{\rm H_2SO_4dur} = \frac{1}{2} n_{\rm NaOH} = 0.75 \text{ mol}$	
$n_{H_2SO_4  d\tilde{a}  d\dot{u}ng} = 0.9 + 0.75 = 1.65  mol.$	0,25đ
$m \ ddH_2SO_{4 \ d\tilde{a} \ dung} = 1,65.98.100/98 = 165 \ gam$	, , , , , ,
c.(0,5 d) 2FeS <sub>2</sub> + 14H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> d nóng → Fe <sub>2</sub> (SO <sub>4</sub> ) <sub>3</sub> +15SO <sub>2</sub> + 14H <sub>2</sub> O	
a   7a   a/2	
$Cu_2S + 6H_2SO_4 \text{ d n\'ong} \rightarrow 2CuSO_4 + 5SO_2 + 6H_2O$	0,25đ
3a 18a 6a	
$n_{4 \text{ dã dùng}} = 7a + 18a = 1,65 \text{ mol.} \rightarrow a = 0,066 \text{ mol};$	
$\mathbf{m}$ muối = $\mathbf{m}$ Fe <sub>2</sub> (SO <sub>4</sub> ) <sub>3</sub> + $\mathbf{m}$ CuSO <sub>4</sub> = 76,56 gam	0,25